

Số: 286../KH-TTGDTX

Điện Biên, ngày 05 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện công khai các hoạt động của trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh năm học 2022 -2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ văn bản số 1968/SGDDĐT-KT&QLCLGD ngày 16/8/2022 của Sở GDĐT Điện Biên về việc hướng dẫn nhiệm vụ khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục năm học 2022-2023;

Trung tâm GDTX tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của đơn vị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện công khai cam kết của Trung tâm về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu, chi tài chính để phụ huynh học viên và xã hội tham gia giám sát và đánh giá trung tâm theo qui định của pháp luật.

Thực hiện công khai của trung tâm nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trung tâm trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục thường xuyên.
2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế.
3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên.
4. Công khai thông tin đội ngũ về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục thường xuyên.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ông Phạm Văn Cường - Giám đốc Trung tâm

Phụ trách chung, phê duyệt các báo cáo công khai, kế hoạch năm học 2022-2023 của Trung tâm.

2. Bà Phạm Thị Duyên - Phó Giám đốc

Lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, dự thảo các văn bản có liên quan.

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

+ Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo biểu mẫu)

+ Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

+ Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo biểu mẫu) .

+ Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành đào tạo (theo biểu mẫu).

- Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh, số học sinh lên lớp, có phân biệt theo các khối lớp (theo biểu mẫu) và tổng hợp kết quả các lần kiểm tra định kỳ

- Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Bà Vũ Thị Bích Liên - Phó Giám đốc

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của các loại hình liên kết đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, bồi dưỡng các loại hình.

Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện các loại hình, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập của người học; mục tiêu đào tạo (theo biểu mẫu).

3. Bộ phận kế toán

a. Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế

- Tình hình tài chính của trung tâm

+ Thực hiện quy chế công khai tài chính theo thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học viên, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Quyết định số 1562/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước về ban hành Quy định về công khai kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b. Mức thu các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (BHTN, BHYT).

c. Chính sách đối với lưu học sinh Lào và kết quả thực hiện trong từng năm học.

4. Bộ phận Văn thư, Thủ quỹ

- Danh sách, số lượng học viên được hưởng chính sách miễn giảm học phí, học bổng, trợ cấp hàng năm.

- Danh mục các văn bản có liên quan.

- Nguồn thu chi từ các hệ liên kết của đơn vị và các loại hình khác.

5. Đoàn Thanh niên, Công đoàn

Các nguồn thu – chi phát động các công trình và quyên góp hàng năm.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 6 của Quy chế này

- Công khai kế hoạch tại các cuộc họp, hội nghị đầu năm, sơ kết trước ngày 10/01 hàng năm, Tổng kết trước ngày 31/5 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Để chuẩn bị cho năm học mới, trung tâm có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học viên nắm rõ và phối hợp thực hiện.

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo, văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, CB-GV-CNV nhà trường xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) và sau các kì kiểm tra định kỳ

- Báo cáo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Quy chế, nhà trường thực hiện công khai như sau

- Đối với học viên tuyển mới: Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học viên đang học: Thông tin đến cha mẹ học viên hoạch giáo dục của Trung tâm, mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu trong năm học. Thông tin về chất lượng giáo dục định kỳ, cuối kỳ, cả năm của học viên qua các buổi họp cha mẹ học viên và các hình thức khác.

3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện theo Thông tư số Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tổ chức tự kiểm tra đánh giá đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Các bộ phận, cá nhân thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các hoạt động công khai của Trung tâm GDTX tỉnh năm học 2022-2023./.

Nơi nhận:

- SGD&ĐT-Khảo thí và KĐCLGD;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 15
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trung tâm giáo
dục thường xuyên tỉnh Điện Biên
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	18	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	
7	Bình quân lớp/phòng học		01, lớp/phòng
8	Bình quân học viên/lớp		34hs/lớp
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	13.844	Số 26,7 m ² /học viên
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1.024	
VI	Tổng diện tích các phòng	4.086,5	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.514	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	326	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	44	
3	Diện tích thư viện, thiết bị (m ²)	46	
4	Diện tích các phòng làm việc	209	
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	280	
6	Diện tích phòng khác (hội trường, truyền thông, y tế, bảo vệ....)(m ²)	174,5	
7	Diện tích gara ôtô, xe máy cho học sinh, GV	482m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	80	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	25	5
2	Khối lớp 11	29	9,6
3	Khối lớp 12	26	8,6
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	200m ²	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	569	Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	16	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	21	
5	Máy tính cho công tác	18	
6	Máy photocopy	2	
7	Máy in màu	0	
8	Máy phát điện	2	
9	Ôtô	0	
10	Máy điều hoà	22	
11	Tủ lạnh	4	
12	Bàn ghế học sinh	365 bộ	
13	Bàn ghế hội trường	60 bộ	
14	Bàn ghế các phòng làm việc	29	
15	Tủ đựng cho CB và Học sinh	50	
16	Phích điện	7	



	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	32
XI	Nhà ăn	180

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Ph.nghi cho hV bán trú			
XIII	Khu nội trú	37 phòng = 851m ²	296	2,88 m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m ² /học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	16 phòng (48m ²)	2 nhà (100m ²)	21 phòng (63m ²)	1m ²	0,81m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo QĐ số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang tt điện tử (website) của trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Điện Biên, ngày 5 tháng 10 năm 2022
GIÁM ĐỐC


Phạm Văn Cường

Biểu mẫu 13

SỞ GD&ĐT ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM GDTX TỈNH

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục thường xuyên
năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		...	10	11	12
I	Điều kiện tuyển sinh		Tốt nghiệp THCS	Hoàn thành lớp 10 và được xét lên lớp 11	Hoàn thành lớp 11 và được xét lên lớp 12
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện		Chương trình GDTX 2018 (3 môn bắt buộc và 4 môn lựa chọn)	7 môn – Chương trình GDTX	7 môn – Chương trình GDTX
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên		Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH	Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH	Giáo dục theo 3 môi trường GD-NT-XH
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục		Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành	Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành	Thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành
V	Kết quả hạnh kiểm, học tập, sức khỏe của học viên dự kiến đạt được		-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên	-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên	-HK: Từ TB trở lên -HL: Từ TB trở lên
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên		Lên lớp 11	Lên lớp 12	Học tiếp TC, CD, ĐH

Điện Biên, ngày 5. tháng 10 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Duyên

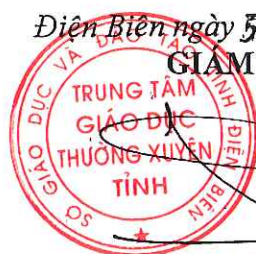
Biểu mẫu 16
 Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
 Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
 TRUNG TÂM GDTX TỈNH**

THÔNG BÁO
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
 và nhân viên của trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh
 Điện Biên năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 106)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	trình độ khác	
	Tổng số CB,GV,NV	33	31	2		13	14	1	5		
I	Giáo viên	20	20			10	10	0			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	4	4			2	2				
2	Lý	1	1			1					
3	Hóa	3	3			1	2				
4	Sinh	1	1			1					
5	Sử	1	1			1					
6	Địa	2	2				2				
7	Văn	2	2			1	1				
8	Ngoại ngữ	1	1			1					
9	Tin	2	2				2				
10	Tiểu học	2	2			2	1				
11	Nhạc	1	1			1					
12	GV biệt phái	1					1				
II	Cán bộ quản lý	3	3				3				
1	Giám đốc	1	1			1					
2	Phó giám đốc	2	2			2					
III	Nhân viên	10	8	2			4	1	5		
1	NV văn thư thủ quỹ	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	2	2				1	1			
3	Nhân viên y tế	1	1						1		
4	Nhân viên thư viện	1	1						1		
5	Thiết bị thí nghiệm	2	1				1		1		
7	Bảo vệ	2		2					2		
8	Nhận viên khác	1	1				1				

Điện Biên ngày 5 tháng 10 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

